UBND TỈNH THANH HÓA
BAN DÂN TỘC

Số: 19 /QĐ-BDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Xây dựng phòng họp trực tuyến và phần mềm báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan quản lý nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban dân tộc về việc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc về việc sửa đổi, bổ sung

một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-UBDT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt "Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025"; Quyết định số 541/QĐ-UBDT ngày 02/8/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của Quyết định số 330/QĐ-UBDT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình theo Quyết định số 1719;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh về Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3832/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về việc giao danh mục và mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 459/NQ-HĐND về việc điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2022, năm 2023 (đợt 3) của một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4999/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 (đợt 3) của một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Tổ giúp việc Tiểu dự án 2-Dự án 10 tại Tờ trình số 01/TTr-TQLDA ngày 22/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Xây dựng phòng họp trực tuyến và phần mềm báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Văn phòng, Tổ giúp việc Tiểu dự án 2 - Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021 – 2025 (sau đây gọi tắt là Tổ quản lý TDA2-DA10) triển khai các bước tiếp theo để thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng và thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Tổ quản lý TDA2-DA10 và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN DÂN TỘC
TỈNH THANH HOÁ

Mai Xuân Bình

PHỤ LỤC 1
NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDT, ngày /01/2024 của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng phòng họp trực tuyến và phần mềm báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Chủ đầu tư: Ban Dân tộc Thanh Hóa

3. Mục tiêu đầu tư:

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình). Nhằm đổi mới và tăng cường hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình.

4. Quy mô đầu tư

Đầu tư thiết kế, xây dựng các hệ thống:

- Phòng họp trực tuyến.

- Phần mềm báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Địa điểm đầu tư: Ban Dân tộc Thanh Hóa.

6. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư công.

7. Dự toán kinh phí: 2.003 triệu đồng.

8. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2024

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

1. Phạm vi nghiên cứu

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng:

+ Phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc Thanh Hóa để đầu tư trang thiết bị phòng họp trực tuyến.

+ Nghiệp vụ, chức năng để xây dựng Phần mềm báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Căn cứ trên các kết quả khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật theo các

quy định hướng dẫn hiện hành.

2. Yêu cầu áp dụng về tiêu chuẩn kỹ thuật

- Việc thiết kế, xây dựng phải đảm bảo theo các yêu cầu kỹ thuật của Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Đáp ứng an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ và Thông tư số 2/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tuân thủ khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa.

3. Yêu cầu về danh mục thiết bị CNTT của dự án

- Đối với các hàng hóa, thiết bị, dịch vụ thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin được ưu tiên cần thiết phải tuân thủ các quy định của Thông tư số 40/2020/TT-BTTTT ngày 30/11/2020, của Bộ Thông tin và Truyền thông, về việc quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm.

- Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước. Chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tại văn bản số 6046/UBND-THKT, ngày 01/06/2017 về việc Triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước.

4. Yêu cầu về công tác khảo sát

Nội dung, khối lượng công việc thực hiện khảo sát phục vụ lập dự án (lập báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật) như sau:

STT	Nội dung công việc	Số lượng ngày công thực hiện khảo sát	Số lượng chuyên gia thực hiện khảo sát	Địa điểm
1	Lập kế hoạch và phương án điều tra khảo sát	2	2	Thực hiện tại văn phòng đơn vị tư vấn
2	Thực hiện khảo sát			Khảo sát tại hiện trường Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa.
2.1	*Khảo sát hạ tầng hệ thống thiết bị, mạng tại Phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc Thanh Hóa để đầu tư trang thiết bị phòng họp trực tuyến.*	*2*	*1*	

2.2	*Khảo sát yêu cầu nghiệp vụ, chức năng Phần mềm báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*	*3*	*2*	
3	Tổng hợp số liệu và lập Báo cáo kết quả điều tra khảo sát	2	2	Thực hiện tại văn phòng đơn vị tư vấn

5. Yêu cầu về lập báo cáo kinh tế kỹ thuật

Thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại: Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 và các thông tư hướng dẫn.

PHỤ LỤC 2

Dự toán chi phí thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Xây dựng phòng họp trực tuyến và phần mềm báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDT, ngày /01/2024 của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa)

I. TỔNG HỢP CHI PHÍ

Tổng chi phí dự kiến (làm tròn): ***70.694.000 đồng*** (Bằng chữ: ***Bảy mươi triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng***). Trong đó:

TT	Nội dung chi phí	Chi phí (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí khảo sát	10.515.324	
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	49.179.504	Tạm tính. Giá trị cụ thể sẽ được dựa trên cơ sở tỉ lệ của chi phí thiết bị sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
3	Chi phí thẩm định giá	11.000.000	Tạm tính
Tổng cộng:		**70.694.828**	
Tổng cộng làm tròn:		**70.694.000**	

II. DỰ TOÁN CHI TIẾT

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	Chi phí khảo sát	Chi tiết bảng dưới	9.559.385	955.939	10.515.324	Theo Công văn số 1951/BTTTT-UDCNTT ngày 04/07/2013
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	(2.1) + (2.2)	44.708.640	4.470.864	49.179.504	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
2.1	*Hạng mục hạ tầng kỹ thuật CNTT*	*Ght x 0,992% x 1,65*	*11.948.640*	*1.194.864*	*13.143.504*	
2.2	*Hạng mục phần mềm nội bộ, CSDL*	*Gpm x 3,64%*	*32.760.000*	*3.276.000*	*36.036.000*	
Tổng cộng:			**54.268.025**	**5.426.803**	**59.694.828**	

Ghi chú:

- Chi phí khảo sát, chi tiết tại bảng dưới.

- Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Tạm tính theo tỉ lệ của thành phần Tổng mức đầu tư (TMĐT) kế hoạch là: 2.003.000.000 đồng, trong đó dự kiến:

+ Chi phí hạ tầng kỹ thuật trước thuế là: Ght = 730.000.000 đồng

+ Chi phí phần mềm là: Gpm = 900.000.000 đồng

*** CHI PHÍ KHẢO SÁT**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số lượng ngày công thực hiện khảo sát	Số lượng chuyên gia thực hiện khảo sát	Lương chuyên gia/ngày	Thành tiền	Ghi chú
I	**Chi phí thuê chuyên gia**				**6.012.192**	**Gcg**
A	***Xây dựng phương án điều tra khảo sát***				***1.586.104***	
1	Lập kế hoạch, phương án chi tiết thực hiện khảo sát	2	2	396.526	1.586.104	Kỹ sư bậc 3
B	***Thực hiện khảo sát***				***2.839.984***	
1	Hạng mục thiết bị phần cứng	1	1	354.998	354.998	Kỹ sư bậc 2
2	Hạng mục hệ thống mạng	1	1	354.998	354.998	Kỹ sư bậc 2
3	Hạng mục phần mềm nội bộ	3	2	354.998	2.129.988	Kỹ sư bậc 2
C	***Lập báo cáo kết quả điều tra khảo sát***				***1.586.104***	
1	Tổng hợp số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát	2	2	396.526	1.586.104	Kỹ sư bậc 3
II	**Chi phí quản lý**				**3.006.096**	**Gql=50%*Gcg**
III	**Chi phí khác**				**-**	**Gk**
IV	**Thu nhập chịu thuế tính trước**				**541.097**	**TN=6%*(Gcg+Gql+Gk)**
V	**Tổng chi phí trước thuế**				**9.559.385**	**Gcg+Gql+Gk+TN**
VI	**Thuế giá trị gia tăng**				**955.939**	**VAT=10%*(Gcg+Gql+Gk+TN)**
	Tổng cộng sau thuế				**10.515.324**	**Gcg+Gql+Gk+TN+VAT**

Ghi chú: - Áp dụng theo Công văn 1951/BTTTT-ƯDCNTT ngày 04 tháng 07 năm 2013

- Lương chuyên gia/ngày được tính chi tiết như bảng dưới

*** BẢNG CĂN CỨ LƯƠNG CHUYÊN GIA**

TT	Tiêu chí xác định	Ký hiệu	Cấp bậc, hệ số, mức lương (đồng)							
			KS1	KS2	KS3	KS4	KS5	KS6	KS7	KS8
1	Hệ số lương	Hcb	2,34	2,65	2,96	3,27	3,58	3,89	4,20	4,51
2	Mức lương cơ sở	MLcs	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
3	**Mức lương theo hệ số**	**Lhs**	4.212.000	4.770.000	5.328.000	5.886.000	6.444.000	7.002.000	7.560.000	8.118.000
3	Hệ số điều chỉnh (vùng II)	Hđc	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7
4	**Mức lương sau điều chỉnh vùng**	**Lđcv**	**7.160.400**	**8.109.000**	**9.057.600**	**10.006.200**	**10.954.800**	**11.903.400**	**12.852.000**	**13.800.600,0**
5	Chi phí bảo hiểm (23,5%)	BHLĐ	989.820	1.120.950	1.252.080	1.383.210	1.514.340	1.645.470	1.776.600	1.907.730
6	**Mức lương lao động/tháng**	**Lt**	**8.150.220**	**9.229.950**	**10.309.680**	**11.389.410**	**12.469.140**	**13.548.870**	**14.628.600**	**15.708.330**
7	**Mức lương lao động/ngày**	**Lng**	**313.470**	**354.998**	**396.526**	**438.054**	**479.582**	**521.110**	**562.638**	**604.167**

Ghi chú:

- Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 02 năm 2021 hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành

- Chi phí bảo hiểm (23,5%) bao gồm: BHXH: 17,5%, BHYT: 3%, BHTN: 1%, CPCĐ: 2%.

- Lương cơ bản là 1.800.000 đồng, căn cứ Nghị định 24/2023/NĐ-CP quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (có hiệu lực từ ngày 1/7/2023).

PHỤ LỤC 3

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Xây dựng phòng họp trực tuyến và phần mềm báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDT, ngày /01/2024 của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tùy chọn mua thêm (nếu có)	Giám sát hoạt động đấu thầu
1	Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật	59.694.000	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	Chỉ định thầu quy trình rút gọn		Quý I/2024	Hợp đồng trọn gói	30 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
2	Thẩm định giá	11.000.000		Chỉ định thầu quy trình rút gọn		Quý I/2024	Hợp đồng trọn gói	30 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
Tổng giá gói thầu: 70.694.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng chẵn)										